

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☆☆☆

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số:

Hôm nay, ngày .../.../....., tại....., các Bên gồm:

- **Bên Cho Vay:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch , có mã số Doanh nghiệp là.....do Sở KH&ĐTcấp lần đầu ngày .../.../....., đăng ký bổ sung lầnvào ngày .../.../.....

- Địa chỉ trụ sở :
- Điện thoại :- Fax:
- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà:- Chức vụ:.....

Sau đây gọi là **VPBank**

- **Bên Vay: Ông..... và Bà**
- Hộ khẩu TT :
- Địa chỉ hiện tại :
- Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD: Ông.....mang Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD sốdocấp ngày .../.../.....; Bà mang Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD sốdocấp ngày .../.../.....
- Điện thoại nhà riêng:- Điện thoại di động:
- Email (nếu có):

Sau đây gọi là **Bên vay**

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay này với các nội dung như sau:

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. **Hợp Đồng:** Là Hợp đồng cho vay này.
2. **Điều Kiện Giao Dịch Chung:** Là những điều khoản ổn định do VPBank niêm yết công khai tại trụ sở ngân hàng và trên website <http://www.vpbank.com.vn> để áp dụng chung cho Bên vay là cá nhân vay từng lần tại VPBank và khoản vay của Bên vay được bảo đảm 100% bằng Chứng chỉ tiền gửi ghi danh, Thẻ tiết kiệm do VPBank phát hành, số dư tiền gửi tiết kiệm trên tài khoản tiết kiệm, số dư tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi tại VPBank; nếu Bên vay chấp nhận ký kết Hợp Đồng này thì coi như chấp nhận các điều khoản tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
3. **TSCC:** Là tài sản cầm cố được mô tả tại Điểm a Khoản 5 Điều 2 Hợp Đồng này thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay.

Điều 2. Số Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay, Đồng Tiền Và Thời Hạn Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân, Phương Thức Cho Vay, Lãi Suất Cho Vay, Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay, Trả Nợ Gốc Lãi Tiền Vay, Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi, Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn

1. Số tiền cho vay:(Bằng chữ:.....)

2. Thời hạn cho vay:.....(Bằng chữ:), tính từ ngày tiếp theo của ngày VPBank giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

3. Mục đích sử dụng tiền vay:..... Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và VPBank về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

4. Điều kiện và phương thức giải ngân:

a) VPBank chỉ giải ngân cho Bên vay sau khi Bên vay và các bên liên quan (nếu có) đã đáp ứng tất cả các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của VPBank theo sản phẩm cho vay mà Bên vay tham gia. VPBank có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc xảy ra trường hợp bất khả kháng nằm ngoài khả năng kiểm soát của VPBank dẫn đến việc VPBank không thể giải ngân.

b) VPBank giải ngân cho Bên vay theo phương thức:

Giải ngân một lần Giải ngân nhiều lần Bằng tiền mặt

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay.

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng

Trường hợp Bên vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của Bên vay, Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

c) Mỗi lần có nhu cầu được giải ngân, Bên vay phải báo trước cho VPBank ít nhất ngày làm việc và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đồng thời ký Khế ước nhận nợ và các chứng từ liên quan theo yêu cầu của VPBank. Bên vay chỉ được rút vốn vay trong thời hạn kể từ ngày ký kết Hợp Đồng này, sau thời hạn này Bên vay chỉ được rút vốn nếu được VPBank chấp thuận. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu trong thời hạn kể từ ngày ký kết Hợp Đồng này, sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được VPBank chấp thuận. Trường hợp Bên vay không rút vốn trong thời hạn nêu trên hoặc Bên vay rút vốn sau thời hạn nêu trên và được VPBank chấp thuận, Bên vay phải thanh toán phí cam kết rút vốn theo quy định tại Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung.

d) Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

5. Biện pháp bảo đảm tiền vay:

a) Để bảo đảm cho việc thực hiện **toàn bộ nghĩa vụ** (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ khác) của Bên vay đối với VPBank phát sinh từ Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, Điều Kiện Giao Dịch Chung bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan (Sau đây gọi chung là “**Văn kiện tín dụng**”) các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:

(i) Cầm cố bằng các *Thẻ tiết kiệm/Chứng chỉ tiền gửi/số dư tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng tiền gửi* (sau đây gọi chung là “**GTCG**”) sau đây:

STT	Tên tài sản	Số/Sê-ri	Mệnh giá/Số tiền gửi	Ngày phát hành/ Ngày gửi	Ngày đến hạn	Giấy tờ gốc về tài sản
Tổng mệnh giá						

Toàn bộ số tiền lãi, quyền và các lợi ích phát sinh từ các GTCG nêu trên cũng thuộc TSCC.

- (ii) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa VPBank với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
 - b) Việc cầm cố tài sản nêu trên có hiệu lực cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với VPBank và VPBank đã thực hiện các thủ tục giải tỏa đối với TSCC.
 - c) VPBank sẽ quản lý toàn bộ bản gốc GTCG nêu tại Điểm a Khoản này trong suốt thời gian cầm cố. Trong thời gian cầm cố, VPBank sẽ thực hiện xử lý TSCC để thu hồi nợ mà không cần có sự đồng ý của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - (i) Đến hạn trả nợ theo Văn kiện tín dụng mà Bên vay không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ;
 - (ii) Bên vay không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp VPBank thu hồi nợ trước hạn theo Văn kiện tín dụng.
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
 - d) Trường hợp phải xử lý TSCC để thu hồi nợ theo quy định tại Điểm c Khoản này, VPBank được quyền xử lý TSCC theo các phương thức sau:
 - (i) Tất toán toàn bộ GTCG là TSCC và sử dụng toàn bộ tiền gốc, lãi thu được từ (các) GTCG này để thu hồi nợ.
 - (ii) Các phương thức khác theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung hoặc theo thỏa thuận bổ sung của Các Bên tại thời điểm xử lý và quy định của pháp luật.
 - e) Trong trường hợp VPBank trích tiền từ các GTCG nêu trên để thu hồi nợ thì toàn bộ các GTCG thuộc TSCC đó sẽ được coi là rút trước hạn và tiền lãi sẽ được tính theo quy định về rút trước hạn của VPBank tại thời điểm trích tiền. Trường hợp GTCG được phát hành theo nguyên tắc lĩnh lãi định kỳ (trừ trường hợp TSCC không bao gồm khoản tiền lãi), Bên vay không được rút lãi định kỳ của GTCG cho đến khi Bên vay thanh toán hết nghĩa vụ gốc, lãi, phí (nếu có) theo Văn kiện tín dụng với VPBank và VPBank đã thực hiện các thủ tục giải tỏa đối với TSCC.
 - f) Bên vay cam kết TSCC nêu trên hoàn toàn thuộc quyền sở hữu riêng, hợp pháp của Bên vay. Bên vay chưa tặng cho hoặc cam kết tặng cho, chưa nhập TSCC vào tài sản chung, chưa cầm cố TSCC nêu trên với/tại bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác hoặc thiết lập bất kỳ biện pháp hạn chế, bảo đảm nào đối với TSCC này. TSCC hiện tại không bị hạn chế giao dịch (bao gồm giao dịch cầm cố theo Hợp Đồng này) bởi bất kỳ cam kết, thỏa thuận nào khác giữa Bên vay với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác.
 - g) Số tiền còn thừa sau khi VPBank xử lý TSBĐ (nếu có) sẽ được VPBank chuyển vào tài khoản thanh toán bất kỳ của Bên vay mở tại VPBank. Trường hợp Bên vay không có tài khoản thanh toán, khoản tiền này sẽ được VPBank quản lý và không được hưởng lãi cho đến khi Bên vay đến nhận hoặc xử lý theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
6. Lãi suất cho vay và Phương pháp tính lãi đối với dư nợ gốc:
- a) Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được VPBank và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và VPBank.
 - b) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - c) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- d) Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:
- (i) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum (\text{Số dư thực tế nhân } (x) \text{ Số ngày duy trì số dư thực tế nhân } (x) \text{ Lãi suất tính lãi}) \text{ chia } (/) 365$, trong đó:
 - Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày VPBank giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày Bên vay thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho VPBank. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
 - Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà Bên vay còn phải trả cho VPBank được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.
 - Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
 - Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.
 - (ii) Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên vay nhận giải ngân vốn vay đến khi Bên vay thanh toán khoản tiền VPBank đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Bên vay trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
7. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho VPBank theo lịch biểu quy định trong (các) Khế ước nhận nợ. Khế ước nhận nợ là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.
8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Các Bên thống nhất rằng VPBank có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
- a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBank (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và Bên vay tại Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản thỏa thuận liên quan;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
9. Nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi
- a) VPBank được quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - (i) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ, Điều Khoản Giao Dịch Chung và không được VPBank chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ;
 - (ii) Bên vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Hợp Đồng này, Điều Khoản Giao Dịch Chung nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của VPBank. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà VPBank yêu cầu Bên vay phải trả nợ trước hạn.

- b) Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 2 Hợp Đồng này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn
 - c) Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp Đồng này, Điều Kiện Giao Dịch Chung, (các) Khế ước nhận nợ và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị VPBank chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho VPBank khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điểm c Khoản 6 Điều 2 Hợp Đồng này.
10. Tạm khóa, trích tiền: Bên vay đồng ý rằng VPBank có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho VPBank để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho VPBank theo Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung, (các) Khế ước nhận nợ hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với VPBank theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa VPBank và Bên vay.
11. Bên vay phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho VPBank theo đúng thời hạn, số lượng và phương thức mà VPBank yêu cầu, cụ thể:
- a) PhíVND (Bằng chữ:); Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:
 - b) PhíVND (Bằng chữ:); Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:
 - c) Trường hợp Bên vay muốn thanh toán nợ cho VPBank trước thời hạn, Bên vay phải thông báo trước bằng văn bản cho VPBank ít nhất ngày làm việc và phải được VPBank đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho VPBank khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo mức quy định như sau:
12. Thỏa thuận khác:

Điều 3. Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung

- 1. Bằng việc ký vào Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng:
 - a) Đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin về các quy định tại bản Điều Kiện Giao Dịch Chung trước khi ký kết Hợp Đồng này;
 - b) Đã đọc, hiểu rõ và xác nhận rằng các điều khoản của Điều Kiện Giao Dịch Chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên vay và VPBank trong giao dịch này, theo đó Bên vay đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại Điều Kiện Giao Dịch Chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ bên nào.
- 2. Các bên thỏa thuận và thống nhất rằng:
 - a) Điều Kiện Giao Dịch Chung là một phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp Đồng này và cùng với Hợp Đồng này tạo thành một Thỏa thuận cho vay, Hợp đồng cầm cố tài sản thống nhất có giá trị ràng buộc giữa Bên vay và VPBank.

b) VPBank có quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều Khoản Giao Dịch Chung tùy từng thời điểm mà VPBank cho là phù hợp tùy theo quyết định của VPBank. VPBank sẽ thông báo cho Bên vay các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS, gửi email tới số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với VPBank tại phần đầu Hợp Đồng; niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của VPBank (website: www.vpbank.com.vn). Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của VPBank khi VPBank đã thông báo bằng một/ một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của Bên vay, số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với VPBank hoặc đã niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc đã thông báo trên website chính thức của VPBank. VPBank không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên vay đã nhận được các thông báo này. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với VPBank thì phải thông báo cho VPBank bằng văn bản; nếu không thông báo thì VPBank có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi VPBank thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay. Đối với các nội dung VPBank thông báo cho Bên vay bằng văn bản theo quy định của Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, các văn bản liên quan hoặc quy định của pháp luật, Các Bên đồng ý rằng, văn bản có thể được VPBank lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS, email ... cho Bên vay theo quy định tại Điều này.

Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi, điều chỉnh của Điều Khoản Giao Dịch Chung theo thông báo của VPBank như quy định tại Điểm b) này nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại VPBank sau 01 ngày kể từ ngày VPBank thông báo.

- c) Các thuật ngữ, điều khoản, quy định không được quy định tại Hợp Đồng này liên quan đến điều kiện vay vốn, giải ngân, lãi suất cho vay, phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay, trả nợ gốc, lãi tiền vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ, cung cấp thông tin, tài liệu trong quá trình cho vay, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, quyền và nghĩa vụ của Các Bên, trao đổi thông tin và các vấn đề, quy định liên quan khác sẽ được tham chiếu và áp dụng theo đúng quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
- d) Các thuật ngữ, điều khoản, quy định chưa được quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung sẽ được tham chiếu và áp dụng theo đúng quy định tại Hợp Đồng này.
- e) Khi có sự khác nhau giữa bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này với Điều Khoản Giao Dịch Chung, điều khoản của Hợp Đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 4. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp Đồng này được hiểu bao gồm cả Điều Khoản Giao Dịch Chung có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với VPBank. Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp Đồng này, Điều Khoản Giao Dịch Chung chỉ có hiệu lực khi được Các Bên thỏa thuận phù hợp với Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung. Các văn bản, dữ liệu ghi nhận nội dung sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phù hợp với Hợp Đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung sẽ được thực hiện theo các Khế ước nhận nợ, các cam kết, thỏa thuận khác giữa Các Bên (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, các Khế ước nhận nợ và Điều Khoản Giao Dịch Chung sẽ được Các Bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp Các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng, địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho VPBank bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và VPBank có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Bên vay kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.
3. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ và Điều Khoản Giao Dịch Chung bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính tiền lãi; loại phí và mức phí; thông tin về nội dung Hợp Đồng này và Điều Khoản Giao Dịch Chung, ...
5. Hợp Đồng này được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ bản, VPBank giữ bản.
6. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VPBANK

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)